

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN**

**TÀI LIỆU HỌC TẬP TRỰC TUYẾN
CÁC MÔN HỌC LỚP 6
TUẦN 4 (27/9/2021 – 1/10/2021)**

9/2021

MÔN TOÁN

TOÁN 6

Tiết 14 - 15: Bài 10: SỐ NGUYÊN TỐ. HỢP SỐ.

PHÂN TÍCH MỘT SỐ RA THỪA SỐ NGUYÊN TỐ

1. Số nguyên tố. Hợp số:

HĐKP:

a) Tìm tất cả các ước của các số từ 1 đến 10

Số	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Các ước	1	1; 2	1; 3	1; 2; 4	1; 5	1; 2; 3; 6	1; 7	1; 2; 4; 8	1; 3; 9	1; 2; 5; 10

b) Sắp xếp các số từ 1 đến 10 thành 3 nhóm:

- Nhóm 1 bao gồm các số chỉ có 1 ước: 1.

- Nhóm 2 bao gồm các số chỉ có 2 ước khác nhau: 2; 3; 5; 7.

- Nhóm 3 bao gồm các số có nhiều hơn 2 ước khác nhau: 4; 6; 8; 9; 10.

Các số 2; 3; 5; 7 gọi là số nguyên tố. Các số 4; 6; 8; 9; 10 gọi là hợp số.

_ Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

_ Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1 có nhiều hơn hai ước.

Ví dụ:

Số 17 là số nguyên tố, vì số 17 chỉ có hai ước là 1 và 17.

Số 15 là hợp số, vì số 15 có 4 ước là 1; 3; 5 và 15.

Chú ý: Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.

Thực hành 1:

a) Trong các số 11; 12; 25, số nào là số nguyên tố, số nào hợp số? Vì sao?

Số 11 là số nguyên tố, vì số 11 chỉ có hai ước là 1 và 11.

Số 12 là hợp số, vì số 12 có 6 ước là 1; 2; 3; 4; 6; 12.

Số 25 là hợp số, vì số 25 có 3 ước là 1; 5; 25.

b) Lan nói rằng: “Nếu một số tự nhiên không là số nguyên tố thì nó phải là hợp số.” Em có đồng ý với Lan không? Vì sao?

Không đồng ý vì số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.

2. Phân tích một số ra thừa số nguyên tố:

a) Thế nào là phân tích một số ra thừa số nguyên tố?

Ta viết: $15 = 3 \cdot 5$.

Số 15 đã được phân tích ra thừa số nguyên tố, trong đó: 3; 5 là các thừa số nguyên tố.

_ Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố là viết số đó dưới dạng một tích các thừa số nguyên tố.

Ví dụ:

Số 7 là số nguyên tố và dạng phân tích ra thừa số nguyên tố của nó là 7.

Số 12 là hợp số và 12 được phân tích ra thừa số nguyên tố là: $12 = 2 \cdot 2 \cdot 3$

(hoặc $12 = 2^2 \cdot 3$).

Chú ý:

_ Mọi số tự nhiên lớn hơn 1 đều được phân tích thành tích các thừa số nguyên tố.

_ Mỗi số nguyên tố chỉ có một dạng phân tích ra thừa số nguyên tố là chính số đó.

_ Có thể viết gọn dạng phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách dùng lũy thừa.

b) Phân tích một số ra thừa số nguyên tố:

Cách 1: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo cột dọc.

Phân tích 300 theo cột dọc:

300	2	
150	2	
75	3	Vậy $300 = 2 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 5 \cdot 5 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5^2$.
25	5	
5	5	
1		

Chú ý: Khi viết kết quả phân tích một số ra thừa số nguyên tố, ta thường viết các ước nguyên tố theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

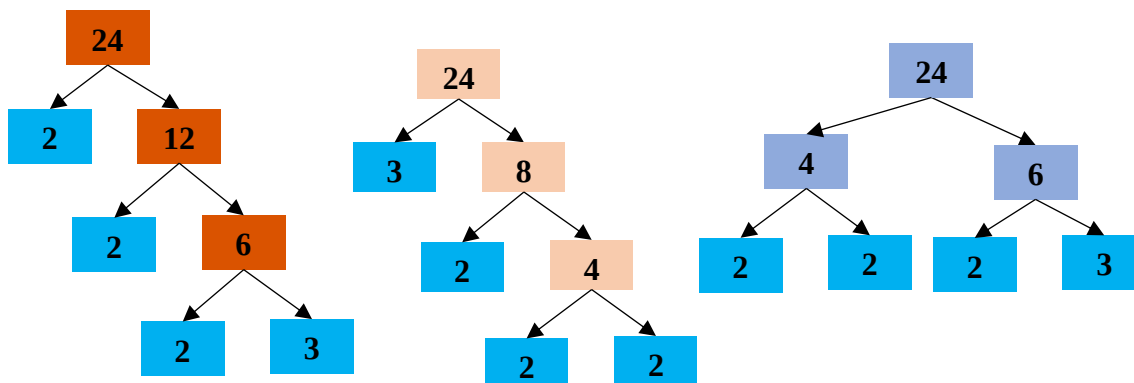
Thực hành 2:

Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố theo cột dọc.

60	2	
30	2	
15	3	Vậy $60 = 2 \cdot 2 \cdot 3 \cdot 5 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$.
5	5	
1		

Cách 2: Phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng sơ đồ cây.

Phân tích 24 theo sơ đồ cây:



Vậy: $24 = 2 \cdot 2 \cdot 2 \cdot 3 = 2^3 \cdot 3$.

Nhận xét: Dù phân tích một số ra thừa số nguyên tố bằng cách nào thì ta cũng được cùng một kết quả.

BÀI TẬP:

1. Gọi P là tập hợp các số nguyên tố. Điền kí hiệu $\in$, $\notin$ thích hợp vào chỗ chấm:

41 ... P ; 57 ... P ; 83 ... P ; 95 ... P .

2. Dùng bảng số nguyên tố tìm các số nguyên tố trong các số sau;

117; 131; 313; 469; 647.

3. Thay chữ số thích hợp vào dấu $*$ để được mỗi số sau là:

a) hợp số: $\overline{2*}$; $\overline{3*}$.

b) số nguyên tố: $\overline{1*}$; $\overline{4*}$.

4. a) Điền “Đ” (Đúng), “S” (Sai) vào các ô trống cho mỗi kết luận trong bảng sau:

Kết luận	Đ / S
i. Mỗi số chẵn lớn hơn 2 đều là hợp số.	
ii. Tổng của hai số nguyên tố lớn hơn 2 luôn là một hợp số.	
iii. Tổng của hai hợp số luôn là một hợp số.	
iv. Tích của hai số nguyên tố có thể là một số chẵn.	

b) Với mỗi kết luận sai trong câu a, hãy cho ví dụ minh họa.

5. a) Viết mỗi số sau thành tổng của hai số nguyên tố: 16; 18; 20.

b) Viết 15 thành tổng của ba số nguyên tố.

6. Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố bằng hai cách “theo cột dọc” và dùng “sơ đồ cây”:

a) 154; b) 187; c) 630.

7. Phân tích các số sau ra thừa số nguyên tố rồi tìm tập hợp các ước của mỗi số đó:

a) 38; b) 75; c) 100.

8. Bác Tâm xếp 360 quả trứng vào các khay đựng như Hình 1 và Hình 2 để mang ra chợ bán. Nếu chỉ dùng một loại khay đựng để xếp thì trong mỗi trường hợp, bác Tâm cần bao nhiêu khay để đựng hết số trứng trên?



Hình 1



Hình 2

9. Tìm số nguyên tố p sao cho $p + 1$ và $p + 5$ đều là số nguyên tố.

10. a) Tìm số tự nhiên k để $3 \cdot k$ là số nguyên tố.

b) Tìm số tự nhiên k để $7 \cdot k$ là số nguyên tố.

☒ Những yêu cầu học sinh cần đạt:

1. Kiến thức kỹ năng:

- Nhận biết được một số tự nhiên lớn hơn 1 là số nguyên tố hay hợp số.
- Phân tích được một số ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích.
- Vận dụng được các dấu hiệu chia hết để phân tích một số ra thừa số nguyên tố.
- Bước đầu biết vận dụng số nguyên tố vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học; sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

3. Tích hợp: toán học và cuộc sống.

☒ Khi học sinh thắc mắc cần có hướng dẫn thì liên hệ với cô Trần Ngọc Tiên (SĐT và zalo 0704595646).

☒ Hướng dẫn chuẩn bị bài tiếp theo:

- Ôn lại dấu hiệu chia hết cho 2, cho 3, cho 5, cho 9.
- Ôn lại cách tìm ước và bội.
- Ôn lại khái niệm về số nguyên tố và hợp số.

- Xem trước các hoạt động thực hành và trải nghiệm ở bài 11 SGK-tr35.

Tiết 16 bài 11: HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học sinh biết cách xét và chọn ra được các số nguyên tố

Học sinh tự lập được bảng số nguyên tố

II. CÁC HOẠT ĐỘNG:

1. Hoạt động 1:

- Học sinh dùng 1 tờ giấy chuẩn bị sẵn ghi ra 100 số tự nhiên từ 1 đến 100 trên 10 dòng với 10 cột đều nhau
- Sau đó, học sinh gạch bỏ số 1
- Vì 2 là số nguyên tố nên đóng khung số 2, sau đó gạch bỏ tất cả các số là bội của 2
- Vì 3 là số nguyên tố nên giữ lại và đóng khung số 3, sau đó gạch bỏ tất cả các số là bội của 3
- Vì 5 là số nguyên tố nên giữ lại và đóng khung số 5, sau đó gạch bỏ tất cả các số là bội của 5
- Vì 7 là số nguyên tố nên giữ lại và đóng khung số 7, sau đó gạch bỏ tất cả các số là bội của 7
- Học sinh tiếp tục quá trình này đến khi tất cả các số được giữ lại hoặc bị gạch
- Tất cả các số đóng khung được giữ lại là các số nguyên tố bé hơn 100

<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>	<u>10</u>
<u>11</u>	<u>12</u>	<u>13</u>	<u>14</u>	<u>15</u>	<u>16</u>	<u>17</u>	<u>18</u>	<u>19</u>	<u>20</u>
<u>21</u>	<u>22</u>	<u>23</u>	<u>24</u>	<u>25</u>	<u>26</u>	<u>27</u>	<u>28</u>	<u>29</u>	<u>30</u>
<u>31</u>	<u>32</u>	<u>33</u>	<u>34</u>	<u>35</u>	<u>36</u>	<u>37</u>	<u>38</u>	<u>39</u>	<u>40</u>
<u>41</u>	<u>42</u>	<u>43</u>	<u>44</u>	<u>45</u>	<u>46</u>	<u>47</u>	<u>48</u>	<u>49</u>	<u>50</u>
<u>51</u>	<u>52</u>	<u>53</u>	<u>54</u>	<u>55</u>	<u>56</u>	<u>57</u>	<u>58</u>	<u>59</u>	<u>60</u>
<u>61</u>	<u>62</u>	<u>63</u>	<u>64</u>	<u>65</u>	<u>66</u>	<u>67</u>	<u>68</u>	<u>69</u>	<u>70</u>
<u>71</u>	<u>72</u>	<u>73</u>	<u>74</u>	<u>75</u>	<u>76</u>	<u>77</u>	<u>78</u>	<u>79</u>	<u>80</u>
<u>81</u>	<u>82</u>	<u>83</u>	<u>84</u>	<u>85</u>	<u>86</u>	<u>87</u>	<u>88</u>	<u>89</u>	<u>90</u>
<u>91</u>	<u>92</u>	<u>93</u>	<u>94</u>	<u>95</u>	<u>96</u>	<u>97</u>	<u>98</u>	<u>99</u>	<u>100</u>

2. **Hoạt động 2:** Học sinh xem lại bảng số nguyên tố vừa tự làm ra và tự trả lời các câu hỏi sau

- Số nguyên tố nhỏ nhất là số nào? (Trả lời: số 2)
- Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số nào? (Trả lời: 97)
- Có phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ không? Vì sao? (Trả lời: Không vì 2 là số nguyên tố)
- Có phải mọi số chẵn đều là hợp số không? Vì sao? (Trả lời: Không vì 2 là số chẵn nhưng là số nguyên tố)
- Chú ý có 25 số nguyên tố trong phạm vi 100

3. **Hoạt động 3:** Dùng bảng số nguyên tố ở cuối chương để tìm số nguyên tố trong các số sau: 113; 143; 217; 529.

Trả lời: Chỉ có số 113 là số nguyên tố

Vậy nếu không dùng bảng thì có cách nào để biết các số còn lại là hợp số? (Trả lời: Đem chia các số đó cho các số nguyên tố từ bé đến lớn)

143 chia được cho 11 nên $143 = 11.13$

217 chia được cho 7 nên $217 = 7.31$

529 chia được cho 23 nên $529 = 23^2$

III. CHUẨN BỊ BÀI TIẾP THEO:

Học sinh đọc trước bài Ước chung, ước chung lớn nhất

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Cô Trần Ngọc Tiền (SĐT và zalo 0704595646).

MÔN KHTN

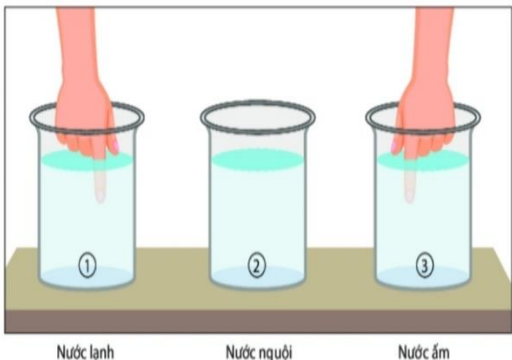
Trường: THCS TÂN XUÂN

TUẦN 4 (27/09- 02/10/2021)

Lớp:

Họ và tên:

Bài 7: Thang nhiệt độ Celsius- Đo nhiệt độ.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung học tập của học sinh
 Nước lạnh Nước nguội Nước ấm ▲ Hình 7.1. Cảm nhận về độ nóng, lạnh bằng xúc giác GV: Cho biết cảm nhận của em về độ "nóng", "lạnh" ở các ngón tay khi nhúng vào cốc 2 có như nhau không? Từ đó em có thể rút ra nhận xét gì? (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục 1 trang 31) GV: Để so sánh độ "nóng", "lạnh" của các vật, người ta dùng đại lượng nào? (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục 1 trang 32) <u>Đơn vị đo nhiệt độ là gì?</u> (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục 1 trang 32)	1. Nhiệt độ và nhiệt kế: <u>a. Tìm hiểu nhiệt độ và nhiệt kế:</u> <u>+ Nhiệt độ:</u> - Nhiệt độ là số đo độ "nóng", "lạnh" của 1 vật. Vật nóng hơn có nhiệt độ cao hơn. Vật lạnh hơn có nhiệt độ thấp hơn. <u>Đơn vị đo nhiệt độ:</u> - Đơn vị đo nhiệt độ trong hệ SI là Kelvin (kí hiệu K). - Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở Việt Nam là

<u>Dụng cụ đo nhiệt độ được gọi là gì?</u> (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục H7.2 trang 32) GV: Em hãy kể tên các loại nhiệt kế mà em biết? (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục H7.3, 7.4, 7.5 trang 32) GV: Em hãy đọc phần 2 sách giáo khoa trang 33. GV: Có 2 cốc nước: nước nóng và nước lạnh. Em hãy thực hành đo nhiệt độ của 2 cốc nước... GV: Em hãy thực hành đo: nhiệt độ cơ thể. GV: Khi đo nhiệt độ của một vật ta cần thực hiện các bước nào? (Gợi ý: xem sách giáo khoa mục 3 trang 34)	độ C (0C) + <u>Nhiệt kế:</u> -Dụng cụ đo nhiệt độ là nhiệt kế. Có nhiều loại nhiệt kế khác nhau: Nhiệt kế thủy ngân, nhiệt kế hồng ngoại, nhiệt kế rượu... <u>2. Tìm hiểu về thang nhiệt độ Celsius:</u> -Nhiệt độ đông đặc của nước 0⁰C. -Nhiệt độ sôi của nước: 100⁰C. <u>3.Thực hành đo nhiệt độ:</u> <i>Khi đo nhiệt độ của một vật ta cần thực hiện các bước sau:</i> <i>Bước 1: Ước lượng nhiệt độ của vật cần đo.</i> <i>Bước 2: Chọn nhiệt kế phù hợp.</i> <i>Bước 3: Hiệu chỉnh nhiệt kế đúng cách trước khi đo.</i> <i>Bước 4: Thực hiện phép đo.</i> <i>Bước 5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.</i> <u>DẶN DÒ:</u> Học bài 7: Thang nhiệt độ Celsius- Đo nhiệt độ. Làm bài tập 1,2,3 SGK trang 34.
--	---

Gợi ý câu 2: xem bài 2: Các lĩnh vực chủ yếu của KHTN.

Câu 3: Một lần, bạn An lấy một ít xi măng trộn với cát rồi tự xây một mô hình ngôi nhà nhỏ giống với ngôi nhà của mình. Bạn Khánh đến rủ bạn An đi đá bóng. An nói: Để mình làm cho xong công trình nghiên cứu khoa học này rồi sẽ đi đá bóng. Theo em, việc mà bạn An đang làm có được coi là nghiên cứu khoa học không? A. Có B. Không Câu 4: Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây? A. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành. B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên. C. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành. D. Tất cả các ý trên. Câu 5: Hành động nào sau đây không thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành? A. Làm thí nghiệm theo hướng dẫn của giáo viên. B. Làm theo các thí nghiệm xem trên internet. C. Đeo găng tay khi làm thí nghiệm với hoá chất. D. Rửa sạch tay sau khi làm thí nghiệm. Câu 6: Câu nào đúng trong các câu sau đây ? A. Ống pipette, dùng lấy hoá chất. B. Ống bơm tiêm, dùng chuyển hoá chất cho cây trồng. C. Ống bơm hoá chất, dùng để làm thí nghiệm. D. Ống bơm khí, dùng để bơm không khí vào ống nghiệm. Câu 7: Cân dùng để làm gì? A. Đo nhiệt độ B. Đo chiều dài C. Đo khối lượng D. Đo lực Câu 8: Đơn vị đo độ dài trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là gì? A. đềximét (dm). B. mét (m).	<u>ĐÁP ÁN: 2D</u> Gợi ý câu 3: xem bài 1: Giới thiệu về KHTN. <u>ĐÁP ÁN: 3B</u> Gợi ý câu 4: xem bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. <u>ĐÁP ÁN: 4D</u> Gợi ý câu 5: xem bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. <u>ĐÁP ÁN: 5B</u> Gợi ý câu 6: xem bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. <u>ĐÁP ÁN: 6A</u> Gợi ý câu 7: xem bài 5: Đo khối lượng. <u>ĐÁP ÁN: 7C</u> Gợi ý câu 8: xem bài 4. Đo
---	--

C. centimét (cm). D. milimét (mm). Câu 9: Giới hạn đo của một thước là: A. Chiều dài lớn nhất ghi trên thước. B. Chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước. C. Chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước. D. Chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước Câu 10: Độ chia nhỏ nhất của thước là: A. Giá trị cuối cùng ghi trên thước. B. Giá trị nhỏ nhất ghi trên thước. C. Chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước. D. Cả 3 đáp án trên đều sai. Câu 11: Thước thích hợp để đo bề dày quyển sách Khoa học tự nhiên 6 là : A. Thước kẻ có giới hạn đo 10 cm và độ chia nhỏ nhất 1 mm. B. Thước dây có giới hạn đo 1 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm. C. Thước cuộn có giới hạn đo 3 m và độ chia nhỏ nhất 5 cm. D. Thước thẳng có giới hạn đo 1,5 m và độ chia nhỏ nhất 1 cm. Câu 12: Trước khi đo chiều dài của vật ta thường ước lượng chiều dài của vật để : A. Đặt mắt đúng cách. B. Lựa chọn thước đo phù hợp. C. Đọc kết quả đo chính xác. D. Đặt vật đo đúng cách. Câu 13: Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là : A. Tấn (t) B. Kilogam (kg) C. Gam (g) D. Miligam (mg) Câu 14: Trên vỏ hộp bánh có ghi 500g, con số đó có ý nghĩa là: A. Khối lượng bánh trong hộp. B. Khối lượng cả bánh trong hộp và vỏ hộp. C. Sức nặng của hộp bánh. D. Thể tích của hộp bánh.	chiều dài. <u>ĐÁP ÁN: 8B</u> Gợi ý câu 9: xem bài 4. Đo chiều dài. <u>ĐÁP ÁN: 9A</u> Gợi ý câu 10: xem bài 4. Đo chiều dài. <u>ĐÁP ÁN: 10C</u> Gợi ý câu 11: xem bài 4. Đo chiều dài. <u>ĐÁP ÁN: 11A</u> Gợi ý câu 12: xem bài 4. Đo chiều dài. <u>ĐÁP ÁN: 12B</u> Gợi ý câu 13: xem bài 5: Đo khối lượng. <u>ĐÁP ÁN: 13 B</u> Gợi ý câu 14: xem bài 5: Đo khối lượng. <u>ĐÁP ÁN: 14A</u>
--	---

Câu 15: Trước một chiếc cầu có một biển báo giao thông ghi 10T (hình vẽ), con số 10T này có ý nghĩa gì?



- A. Xe có trên 10 người ngồi thì không được đi qua cầu.
B. Khối lượng toàn bộ (của cả xe và hàng) trên 10 tấn thì không được đi qua cầu.
C. Khối lượng của xe trên 100 tấn thì không được đi qua cầu.
D. Xe có khối lượng trên 10 tạ thì không được đi qua cầu.

Câu 16: Cân một túi hoa quả, kết quả là 14533 g. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

- A. 1g. B. 5g. c. 10g D. 100g.

Câu 17: Có 20 túi đường, ban đầu mỗi túi có khối lượng 1 kg, sau đó người ta cho thêm mỗi túi 2 lạng đường nữa. Khối lượng của 20 túi đường khi đó là bao nhiêu?

- A. 24 kg.
B. 20kg 10 lạng.
C. 22 kg.
D. 20 kg 20 lạng.

Câu 18: Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

- A. tuần.
B. ngày.
C. giây.
D. giờ.

Câu 19: Nhiệt kế thủy ngân không thể đo nhiệt độ nào trong các nhiệt độ sau?

- A. Nhiệt độ của nước đá.
B. Nhiệt độ cơ thể người.
C. Nhiệt độ khí quyển.
D. Nhiệt độ của một lò luyện kim.

Câu 20: An nói rằng: "Khi mượn nhiệt kế y tế của người khác cần phải nhúng nước sôi để sát trùng rồi hãy dùng.". Nói như thế có đúng không?

Gợi ý câu 15: xem bài 5: Đo khối lượng.

ĐÁP ÁN: 15 B

Gợi ý câu 16: xem bài 5: Đo khối lượng.

ĐÁP ÁN: 16A

Gợi ý câu 17: xem bài 5: Đo khối lượng.

ĐÁP ÁN: 17A

Gợi ý câu 18: xem Bài 6. Đo thời gian.

ĐÁP ÁN: 18C

Gợi ý câu 19: xem Bài 7. Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ

ĐÁP ÁN: 19D

A. Đúng B. Sai	Gợi ý câu 20: xem Bài 7. Thang nhiệt độ Celsius. Đo nhiệt độ <u>ĐÁP ÁN: 20B</u> <u>Dẫn dò:</u> Học kiến thức ôn tập chủ đề 1. Ôn 20 câu hỏi trắc nghiệm chuẩn bị kiểm tra thường xuyên (15 phút).
------------------------------	--

MÔN NGỮ VĂN

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 6 – TUẦN 4

=====

Bài 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

Tiết 11: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Tri thức Tiếng Việt

1. Từ đơn và từ phức:

- Từ đơn là từ gồm có một tiếng
- Từ phức là từ gồm có hai tiếng trở lên
- Những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa gọi là từ ghép. Những từ phức có quan hệ láy âm giữa các tiếng gọi là từ láy.

Ví dụ: *Chàng hăng hái, gan dạ, không nể nguy hiểm.*

+ *Từ đơn*: chàng, không, nể

+ *Từ phức*: hăng hái, gan dạ, nguy hiểm.

- *Từ ghép*: gan dạ, nguy hiểm

- *Từ láy*: hăng hái.

- Một số ví dụ về từ ghép: quần áo, sách vở, bút chì...

- Một số ví dụ về từ láy: sạch sẽ, nhỏ nhỏ, cẩn thận...

2. Thành ngữ

- Thành ngữ là một tập hợp từ cố định, quen dùng.

Ví dụ: Tay bắt mắt mừng, Há miệng chờ sung, Ngựa quen đường cũ...

- Nghĩa của thành ngữ không phải là phép cộng đơn giản nghĩa của các từ cấu tạo nên nó mà là nghĩa của cả tập hợp từ, thường có tính hình tượng và biểu cảm.

II. Thực hành Tiếng Việt

Bài tập 1: Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào móng ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. (Thánh Gióng)

+ Từ đơn:.....

.....

.....

+ Từ phức:

.....

.....

Bài tập 2: Tìm từ ghép, từ láy trong đoạn văn sau:

Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt (Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân)

+ Từ ghép:

.....

.....

+ Từ láy:

Bài tập 3: Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:

a. ngựa:

b. sắt :

c. thi:

d. áo:

Bài tập 4: Tạo ra từ lấy từ các tiếng dưới đây

a. nhỏ:

b. khoẻ:

c. óng:

d. dẻo:

Bài tập 5: Tìm và ghép thành ngữ (cột A) với nghĩa của thành ngữ (cột B) trong bảng dưới đây sao cho phù hợp.

A Thành ngữ

1. chết như
rạ

2. Mẹ tròn con vuông

3. Cầu được ước thấy

4. Oán nặng thù sâu

5. Nhanh như cắt

B Nghĩa của thành ngữ

a. Nhận xét ai làm gì rất nhanh

b. Lòng oán giận và hận thù với ai đó
rất sâu nặng

c. chết rất nhiều

d. Điều mong ước trở thành hiện thực

đ. Việc sinh nở thuận lợi, tốt đẹp

Bài tập 6: Đặt một câu miêu tả khí thế chiến thắng của nghĩa quân Lam Sơn có dùng thành ngữ “chết như rạ”:

.....

.....

Bài tập 7: Tìm thành ngữ có chứa các từ dưới đây

a. nước

b. mật

c. ngựa

d. nhật

Viết ngắn

Viết một đoạn văn (khoảng 150 đến 200 chữ) có sử dụng thành ngữ thể hiện cảm nhận của em về lịch sử đất nước sau khi đọc xong các văn bản Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm.

*Gợi ý:

+Về hình thức:

Viết đoạn văn từ 150 – 200 từ (Khoảng 1 trang giấy)

+ Về nội dung:

- Thể hiện cảm nhận về lịch sử đất nước sau khi đọc văn bản: Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm. (Tự hào về truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường, khát vọng độc lập của dân tộc. Có thể nêu cụ thể những tấm gương tiêu biểu là Thánh Gióng, Lê Lợi...)

- Có sử dụng thành ngữ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III- Dặn dò:

-Hoàn thành tất cả bài tập

-Chuẩn bị bài Đọc mở rộng theo thể loại: Văn bản “Bánh chưng bánh giầy”(SGK/31)

Tiết 12: ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI

Văn bản

BÁNH CHƯNG BÁNH GIÀY

I. TÌM HIỂU CHUNG

1) Đọc và tìm hiểu chú thích

2) Tìm hiểu chung

a) Thể loại

Truyền thuyết

b) Ngôi kể

Thứ ba

c) Phương thức biểu đạt

Tự sự

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT

1-Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của NV mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của NV.	

c. Cuối truyện thường gọi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ ngày nay”.	
--	--

2-Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng	
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	

3.Dặn dò:

- Hoàn thành PHT vào vở
- Xem trước bài Nói và nghe, trả lời các câu hỏi trong SGK/34

.....

Tiết 13- 14: NÓI VÀ NGHE

THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ GIẢI PHÁP THỐNG NHẤT

1/ Chuẩn bị : Sách giáo khoa , bút ghi chép.

2/Hướng dẫn HS soạn :

- HS dùng bút chì hoặc bút dạ quang gạch chân ý chính trong SGK xuyên suốt quá trình đọc .
- Hoặc sử dụng giấy note để ghi lại ý.
- Các ý cần soạn ngắn gọn theo dạng liệt kê ý , tránh viết dài dòng.
- HS có thể tham khảo , nghiên cứu thêm trên sách, báo, internet ...để tìm kiếm .

3/ Nội dung : HS đọc SGK/34

a/ Tầm quan trọng của thảo luận nhóm .

.....

.....

.....

b/ Để hoạt động thảo luận nhóm hiệu quả, cần thực hiện các bước nào ?

.....

.....

.....

.....

.....

c/ Yêu cầu cụ thể của các bước là gì ?

.....

.....

.....

.....

.....

4/ Chuẩn bị các ý cơ bản cho chủ đề sau : (HS tư duy , tìm tư liệu)

- Cần làm gì để hình thành thói quen đọc sách?
- Trình bày một số giải pháp để giúp nhau tiến bộ trong học tập.
- Nêu những phương pháp hiệu quả để hoàn thiện việc học bài, làm bài trước khi đến lớp.
- Bạn có thể làm gì góp phần xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự trong trường học?

Hướng dẫn:

+ Chuẩn bị nội dung

- Xác định đề tài, mục đích nói và người nghe (SGK).
- Tìm ý và lập dàn ý
- Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.

+ Tập luyện

- HS nói một mình trước gương.
- HS nói tập nói trước nhóm/tổ.

5. Dặn dò:

- Hoàn thành các nội dung ở phần 4 vào vở.
 - Chuẩn bị bài Ôn tập(SGK/36)
-

Tiết 15:

ÔN TẬP

Phiếu học tập số 1

Tóm tắt nội dung chính của 3 văn bản truyền thuyết

1, Văn bản Thánh Gióng:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2, Văn bản Sự tích Hồ Gươm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3, Văn bản Sự tích bánh chưng, bánh giầy:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phiếu học tập số 2

Liệt kê vào bảng dưới đây một số sự kiện, chi tiết mà em cho là đặc sắc, đáng nhớ nhất trong ba văn bản đã nêu. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn.(Làm vào vở)

Nội dung	Thánh Gióng	Sự tích Hồ Gươm	Bánh chưng, bánh giầy
Sự kiện, chi tiết			
Lý do lựa chọn			

--	--	--	--

Bài tập 1: Khi đọc một văn bản truyền thuyết cần lưu ý đến những đặc điểm nào của thể loại này?

***Gợi ý:**

-Thể loại, cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo...

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài tập 2: Khi tóm tắt một văn bản bằng sơ đồ tư duy em cần lưu ý những gì?

***Gợi ý:**

- Bước 1: Cần đọc kĩ văn bản cần tóm tắt, xác định văn bản gồm mấy phần hoặc mấy đoạn, mối quan hệ giữa các phần đó. Tìm từ khoá và ý chính của từng phần hoặc đoạn. Từ đó xác định nội dung chính của văn bản và hình dung cách vẽ sơ đồ.

- Bước 2: Tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, dựa trên số phần hoặc số đoạn, xác định số ô hoặc số bộ phận cần có trong sơ đồ. Chọn cách thể hiện sơ đồ tốt nhất

- Bước 3: Kiểm tra lại sơ đồ đã vẽ, xem các ý chính của văn bản đã đủ và rõ chưa, cách thể hiện về các phần, đoạn, ý chính và quan hệ giữa chúng đã phù hợp chưa.

Bài tập 3: Bài học giúp em hiểu điều gì về lịch sử nước mình?

***Gợi ý:** -Là một đất nước có truyền thống yêu nước, đoàn kết, căm thù giặc...

.....

.....

.....

.....
.....
.....

***Hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà:**

- Hoàn thành 2 phiếu học tập và 3 bài tập
 - Chuẩn bị Bài 2: Miền cổ tích
-

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập ở nhà (nếu có)

Trường THCS Tân Xuân

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn		

MÔN TIẾNG ANH

TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TIẾNG ANH

KHỐI 6 – TIẾT 10 - UNIT 1: TOWNS AND CITIES

LESSON 1: VOCABULARY

(SGK/ trang 14, 15)

I. New words :

1. bridge (n) cây cầu
2. monument (n) đài kỷ niệm
3. flat (n) căn hộ
4. office building (n) tòa nhà văn phòng
5. square (n) quảng trường
6. shopping center (n) trung tâm mua sắm
7. sports center (n) trung tâm thể thao
8. dirty (adj) $\neq$ clean : dơ $\neq$ sạch
9. dangerous (adj) $\neq$ safe : nguy hiểm $\neq$ an toàn
10. noisy (adj) $\neq$ quiet : ồn ào $\neq$ yên lặng
11. ugly (adj) $\neq$ pretty : xấu $\neq$ đẹp
12. modern (adj) hiện đại
13. friendly (adj) : thân thiện

BT 1/ trang 14/ SGK : Dựa vào các từ vựng trong khung, em hãy điền tên đúng các địa danh ở thành phố Luân Đôn :

II. Structures (cấu trúc)

1. There's a / an... : Có một...(số ít)

Ex: There's a bridge here. (Có một cây cầu ở đây)

2. There isn't a / an.....: Không có một... (số ít)

Ex: There isn't a square here. (Không có một quảng trường ở đây)

3. There are some...: Có vài... (số nhiều)

Ex : There are some hotels here. (Có vài khách sạn ở đây)

4. There aren't any...: Không có vài... (số nhiều)

Ex: There aren't any flats here. (Không có vài căn hộ ở đây)

5. My favorite place is... : Nơi ưa thích của tôi là...

Ex : My favorite place is Ben Thanh market. (Nơi ưa thích của tôi là chợ Bến Thành)

PRACTICE : Em hãy điền There's/ There are/ There isn't/ There aren't vào các câu sau :

1.some books in my room.
2.any cars in my house.
3.a monument in my city. (Có một...)
4.a flat in my village. (Không có một...)
5.some shopping centers here.

Sau khi làm xong các bài tập, các em hãy kiểm tra đáp án và sửa lại cho đúng :

- 1. library**
- 2. park**
- 3. hotel**
- 4.monument**
- 5.square**
- 6. shop**

- 7. bus station
- 8. market
- 9. cinema
- 10. restaurant
- 11. station
- 12. theatre
- 13. bridge
- 14. office building

PRACTICE : Em hãy điền There's/ There are/ There isn't/

There aren't vào các câu sau :

- 1. **There are**.....some books in my room.
- 2. **There aren't**.....any cars in my house.
- 3. **There's**a monument in my city. (Có một...)
- 4. **There isn't**.....a flat in my village. (Không có một...)
- 5. **There are**some shopping centers here.

HOMEWORK

- Em hãy học kỹ new words, structures và làm lại các bài tập.

TRƯỜNG THCS TÂN XUÂN

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TIẾNG ANH

KHỐI 6 – TIẾT 11 - UNIT 1: TOWNS AND CITIES

LESSON 2: READING

(SGK/ trang 16)

III. New words :

- 14.fantastic (adj) tuyệt vời
- 15.comfortable (adj) thoải mái
- 16.cabin (n) khoang tàu
- 17.passenger (n) hành khách
- 18.chef (n) đầu bếp
- 19.swimming pool (n) hồ bơi
- 20.climbing wall (n) tường leo núi
- 21.ship (n) con tàu

BT 1/ trang 16/ SGK : Em hãy nhìn vào những bức ảnh, trả lời: True (đúng) / False (sai) cho các câu sau:

- a) There is a library and a school on the ship.....
(Có trường học và thư viện trên tàu.)
- b) There are some swimming pools on the ship.....
(Có vài hồ bơi trên tàu)
- c) There is one café and one restaurant on the ship.....
(Có một quán cà phê và một nhà hàng trên tàu)

IV. **Skills strategy (Kỹ năng)**

Để trả lời các câu hỏi chi tiết về một đoạn văn, các em làm các bước sau:

- 1. Đầu tiên, xác định các từ khóa trong câu hỏi.
- 2. Tiếp theo, xem lướt qua đoạn văn để tìm ra các từ khóa.

3. Cuối cùng, em có thể tìm được câu trả lời đúng trong câu mà có chứa các từ khóa.

BT 2/ trang 16/ SGK : Em hãy đọc lại phần kỹ năng. Sau đó em đọc lại đoạn văn ở trang 16 và trả lời các câu hỏi sau :

1. What is the name of the ship?

(Tên của con tàu là gì ?)

.....
.....
.....

2. How many people work on the ship?

(Có bao nhiêu người làm việc trên tàu ?)

.....
.....
.....

3. How many chefs are there on the ship?

(Có bao nhiêu đầu bếp trên tàu ?)

.....
.....
.....

4. Is it the only ship with a park?

(Có phải đây là con tàu duy nhất có công viên ?)

.....
.....
.....

5. What's in the sports area?

(Có gì trong trung tâm thể thao ?)

.....
.....
.....

**Sau khi làm xong các bài tập, em kiểm tra với phần
đáp án và sửa lại cho đúng :**

**BT 1/ trang 16/ SGK : Em hãy nhìn vào những bức ảnh,
trả lời: True (đúng) / False (sai) cho các câu sau:**

d) There is a library and a school on the ship.....**False**.....

(Có trường học và thư viện trên tàu.)

e) There are some swimming pools on the
ship.....**True**.....

(Có vài hồ bơi trên tàu)

f) There is one café and one restaurant on the
ship.....**True**.....

(Có một quán cà phê và một nhà hàng trên tàu)

**BT 2/ trang 16/ SGK : Em hãy đọc lại phần kỹ năng. Sau
đó em đọc lại đoạn văn ở trang 16 và trả lời các câu hỏi
sau :**

1. What is the name of the ship?

(Tên của con tàu là gì ?)

It's Oasis of the Seas.

2. How many people work on the ship?

(Có bao nhiêu người làm việc trên tàu ?)

**There are more than 2,000 people work on the
ship.....**

3. How many chefs are there on the ship?

(Có bao nhiêu đầu bếp trên tàu ?)

... There are 250 chefs.....

4. Is it the only ship with a park?
(Có phải đây là con tàu duy nhất có công viên ?)
... **Yes, it is.....**
5. What's in the sports area?
(Có gì trong trung tâm thể thao ?)
... **There's a climbing wall in the sports area. ...**

HOMEWORK

- **Em hãy học kỹ new words, học cách trả lời câu hỏi trong một đoạn văn và làm lại các bài tập.**

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP
TIẾNG ANH 6 – FRIENDS PLUS 6

-

TIẾT 12: UNIT 1 : TOWNS AND CITIES

LESSON 3: LANGUAGE FOCUS: IS THERE...?

ARE THERE...? DEFINITE AND ZERO ARTICLE

-

- **I. IS THERE...? / ARE THERE...?**
- Hoạt động 1:
- *Yêu cầu: Học sinh đọc lại bài Oasis of the Seas. Viết các câu có cụm từ “there is” hoặc “there are”.*
- e.g. There are 20 restaurants.
-
- Hoạt động 2:
- **Exercise 1: Complete the questions. Then choose the correct answers.** (Hoàn thành câu hỏi và chọn câu trả lời đúng)
- *Yêu cầu: HS đọc lại bài Oasis of the Seas và hoàn tất bài tập này.*
-
- **Hoạt động 3:** HS dựa vào câu trả lời của mình để hoàn tất phần I của phiếu học tập.
- Gợi ý: 1. **Is there** a school on the ship?
- 2. **Are there** any swimming pools?
-
- **II. HOW MANY....? (Bao nhiêu)**
- Khi muốn hỏi về số lượng, chúng ta dùng câu hỏi How many..?

- e.g. **How many** café are there on the ship?
- Yêu cầu: phân tích câu ví dụ và hoàn thành cấu trúc câu hỏi
How many trong phiếu học tập.
-
- Hoạt động 4:
- Exercise 2:
- Yêu cầu: Sau khi hoàn thành phiếu học tập, học sinh chọn từ đúng để hoàn thành RULES và điền vào phiếu học tập.
- Hướng dẫn:
 - 1. Chúng ta sử dụng _____ trong câu hỏi.
 - 2. Chúng ta sử dụng Yes, there is và No, there isn't với danh từ _____. (singular nouns: danh từ số ít; plural nouns: danh từ số nhiều)
 - 3. Chúng ta sử dụng Yes, there are và No, there aren't với danh từ _____. (singular nouns: danh từ số ít; plural nouns: danh từ số nhiều)
 - 4. Chúng ta dùng How many ..? với danh từ _____.
-
- Hoạt động 5: Luyện tập
- Học sinh dựa vào RULES để làm exercise 3,4
-
- **III. DEFINITE AND ZERO ARTICLE:(Mạo từ xác định và không xác định)**
- Yêu cầu: Học sinh nghiên cứu 2 câu ví dụ dưới đây và cho biết các từ in đậm là danh từ cụ thể (particular) hay danh từ tổng quát (general).
- Danh từ cụ thể: danh từ chỉ 1 vật, sự việc cụ thể.

- Danh từ tổng quát: danh từ chỉ vật, sự việc chung, không nói rõ là gì.
- e.g. My favourite animals are **the dogs**. (dogs: chúng ta biết là loài chó)
- We buy fruit and vegetables at **market**. (market: không biết là chợ nào)
-
- **Exercise 5:**
- *Yêu cầu: Dựa vào việc nghiên cứu 2 câu ví dụ, hs hoàn tất RULES và điền vào phiếu học tập.*
- Hướng dẫn:
 - 1. Chúng ta sử dụng _____ để nói về vật cụ thể.
 - 2. Chúng ta sử dụng _____ để nói về vật tổng quát.
-
- **Exercise 6: Complete the sentences with *the* or $\odot$.** (Hoàn tất câu với *the* hoặc $\odot$)
-
- **IV. HƯỚNG DẪN CÁCH HỌC NGỮ PHÁP:**
- Học sinh viết mỗi câu sau 5 lần vào vở
 - 1. Is there a school? Yes, there is / No, there isn't.
 - 2. Are there any swimming pools? Yes, there are. / No, there aren't.
 - 3. How many restaurants are there on the ship?

- **UNIT 1: TOWNS AND CITIES**

- **LESSON 3: LANGUAGE FOCUS: IS
THERE...? ARE THERE...?; DEFINITE
AND ZERO ARTICLE**

-
- **I. IS THERE...? / ARE THERE...?**

- - Question: **IS THERE** + _____ +
_____?
- **ARE THERE** + _____ + _____?
-
- Answer: Yes, _____ / Yes, _____.
- No, _____ / No, _____.
-

- e.g. _____ an eraser in your schoolbag? No,
_____.
- _____ swimming pools on the ship?
Yes, _____.
-

- **II. HOW MANY....?**

- Question: **How many** + _____ +
_____?
- Answer: There is one.
- There are + _____

- e.g.:
- 1. tables / living room / 1
- -> How many _____?

- 2. windows / classroom / 4
- -> How many _____?
- _____

- ***RULES***

- 1. We use _____ in question.
- 2. We use Yes, there is and No, there isn't with _____.
- 3. We use Yes, there are and No, there aren't with _____.
- 4. We use How many...? with _____.

- **III. DEFINITE AND ZERO ARTICLE:**

- Modal sentences:

- _____ My favourite animals are **the dogs**. ->

- _____ We buy fruit and vegetables at **market**. ->

- ***RULES***

- 1. We use _____ to talk about one _____.
- 2. We use _____ to talk about things _____.

- **IV. HOMEWORK:**

- 1. Chuẩn bị bài mới: Lesson 4: Vocabulary and Listening:
Comparing places and things.
- 2. Học thuộc các chủ điểm ngữ pháp.

MÔN LỊCH SỬ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN LỊCH SỬ KHỐI 6

Tuần 4: Từ ngày 27/9 – 2/10/ 2021
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

A. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tiết 7: Bài 5: Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp (tt)	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	HS đọc thông tin mục III, Sách giáo khoa trang 29, 30 và quan sát Hình 5.6 ; 5.7; 5.8; 5.9 và trả lời câu hỏi: 1/ Nêu một số nét cơ bản của xã hội nguyên thủy Việt Nam trong quá trình tan rã? 2/ Cuối thời nguyên thủy, người Việt cổ đã có những công cụ lao động và những ngành nghề sản xuất nào?
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	HS hoàn thành bài tập sau: 1/ Em hãy nêu những chuyển biến về kinh tế, xã hội vào cuối thời nguyên thủy? 2/ Phát minh quan trọng nào của người nguyên thủy tạo nên những chuyển biến này? 3/ Em hãy kể tên một số vật dụng bằng kim loại mà con người ngày nay vẫn thừa hưởng từ những phát minh của người nguyên thủy?

--	--

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM (ghi bài vào vở)

Phần I và II: chúng ta đã tìm hiểu ở tiết trước.

III. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy

- Hơn 4.000 năm trước đây, xã hội nguyên thủy Việt Nam có những chuyển biến quan trọng, gắn với các nền văn hoá Phùng Nguyên (Phú Thọ), Đông Đậu (Vĩnh Phúc), Gò Mun (Phú Thọ) với thuật luyện kim, biết chế tác nhiều loại công cụ lao động bằng đồng.
- Việc sử dụng công cụ lao động bằng kim loại giúp cư dân định cư lâu dài ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Đồng Nai... Họ trồng lúa, chăn nuôi, làm gốm, đúc đồng... Từ đó hình thành xóm làng.

DANH MỤC HÌNH ẢNH:



1. Công cụ mũi nhọn



2. Lưỡi câu



3. Mũi giáo, mũi tên

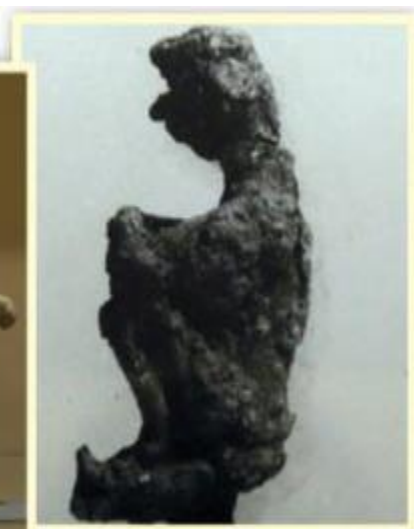
5.6 Đồ đồng Gò Mun



5.7 Đồ gốm Phùng Nguyên



5.8 Tượng gà bằng đất nung, Đổng Đậu



5.9 Tượng người ngồi bó gối bằng đồng, Gò Mun

❖ **DẶN DÒ:**

- Xem lại Mục III

- Đọc và tìm hiểu bài 6: Ai Cập cổ đại

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập như sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	III. Việt Nam cuối thời kì nguyên thủy	1. 2. 3. 4.

Học sinh nếu có thắc mắc vui lòng liên hệ trực tiếp Cô Danh Ngọc Oanh qua sdt: 0363457873 hoặc email: danhngocoanh3003@gmail.com

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN LỊCH SỬ KHỐI 6
Tuần 4: Từ ngày 27/9 – 2/10/ 2021
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

C. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tiết 8: Bài 6: Ai Cập cổ đại	
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	HS đọc thông tin mục I, Sách giáo khoa trang 32, 33 1/ HS quan sát Hình 6.1 và trả lời câu hỏi: Sông Nin đã đem lại những thuận lợi gì cho người Ai Cập cổ đại?

	2/ Quan sát Hình 6.1 và Hình 6.3, em hãy cho biết chữ nào trong hai chữ tượng hình dưới đây được dùng để diễn tả hoạt động đi thuyền từ Thượng Ai Cập xuống Hạ Ai Cập. Lí giải sự lựa chọn của em? HS đọc thông tin mục II, Sách giáo khoa trang 34 3/ HS quan sát Hình 6.4 và trả lời câu hỏi: trình bày quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại: + Cư dân Ai Cập cổ đại cư trú ở đâu? + Họ sống riêng lẻ từng gia đình hay trong một cộng đồng? Họ tập hợp thành hai vùng cư trú chủ yếu là vùng nào? + Tại sao pharaoh Namer lại cho chúng ta ít nhiều những thông tin về quá trình thống nhất này? 4/ Quá trình thống nhất Ai Cập cổ đại bằng chiến tranh được thể hiện như thế nào trên pharaoh Namer?
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	HS hoàn thành Bài tập vận dụng trong sách giáo khoa: 1/ Giả sử lớp học em có chiều cao 3m, em hãy cùng các bạn trong lớp tìm hiểu xem chiều cao của Kim tự tháp Kê-ốp gấp bao nhiêu lần chiều cao lớp học? + Chiều cao của Kim tự tháp Kê-ốp là 147m.

B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM (ghi bài vào vở)

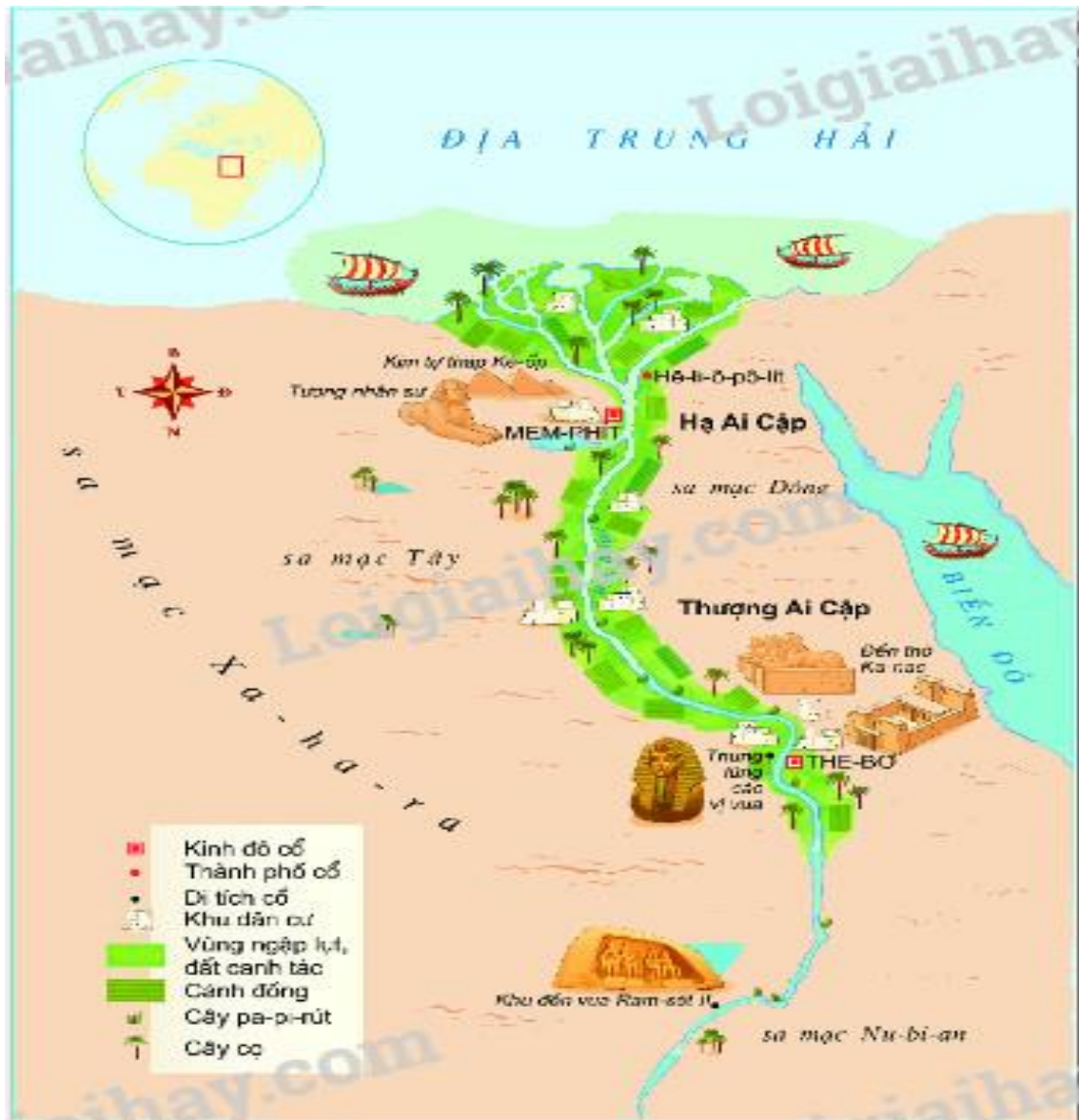
I. Điều kiện tự nhiên

- Ai Cập nằm ở Đông Bắc châu Phi.
- Sông Nin mang nguồn nước thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp của Ai Cập cổ đại, là tuyến đường giao thông chủ yếu giữa các vùng.

II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại

- Cư dân Ai Cập cổ đại sống theo từng công xã, gọi là các Nôm.
- Năm 3000 TCN, vua Na – mơ (Namer) hay vua Mê – nét (Menes) thống nhất các Nôm ở Thượng và Hạ Ai Cập. Nhà nước Ai Cập ra đời.

- Đứng đầu nhà nước Ai Cập là các Pha-ra-ông có quyền tối cao, cai trị theo hình thức cha truyền con nối.
- Năm 30 TCN, Ai Cập bị người La Mã xâm lược và sụp đổ.



DANH MỤC HÌNH ẢNH:



6.3 Tranh tường lăng mộ Nê-ba-mun (Nebamun), Te-bơ (Thebes), 1350 TCN. Thuyền đi săn xuôi theo dòng sông Nin, hai bờ là những bụi cây pa-pi-rút (papyrus).



6.4 Phiến đá Na-mơ, 64 cm x 42 cm, khắc tên vua Na-mơ, Thượng Ai Cập

❖ **DẶN DÒ:**

- Xem lại Bài 6: I, II
- Đọc và tìm hiểu bài 6: Ai Cập cổ đại (phần III)

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập như sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	I. Điều kiện tự nhiên II. Quá trình thành lập nhà nước Ai Cập cổ đại	1. 2. 3. 4.

Học sinh nếu có thắc mắc vui lòng liên hệ trực tiếp Cô Danh Ngọc Oanh qua sdt: 0363457873 hoặc email: danhnngocoanh3003@gmail.com

MÔN ĐỊA LÝ

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 6

TUẦN 4 (27/9 – 3/10/2021)

I. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

TIẾT 4 BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

NỘI DUNG HỌC TẬP	GHI CHÚ														
TIẾT 4 BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG	- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.														
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu sau:	I. Kí hiệu bản đồ và chú giải ? HS đọc nội dung phần đầu bài 2 cho biết bản đồ là gì? ? Quan sát H2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a,b,c,d tương ứng với nội dung các hình nào (1,2,3,4) ? Kí hiệu bản đồ là gì? ? HS dựa vào thông tin mục I trong SGK, quan sát hình 2.2. 2.3 - Xác định các yếu tố sau: Bảng chú giải, kí hiệu - Kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, than? Kí hiệu nào thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận?														
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học	Điền vào phiếu học tập <table><tr><th>STT</th><th>Các loại kí hiệu</th><th>Liệt kê các loại kí hiệu có trên h2.2, 2.3</th></tr><tr><td>1</td><td>Kí hiệu tượng hình</td><td>.....</td></tr><tr><td>2</td><td>Kí hiệu hình học</td><td>.....</td></tr><tr><td>3</td><td>Màu sắc, nét chữ</td><td>.....</td></tr></table>			STT	Các loại kí hiệu	Liệt kê các loại kí hiệu có trên h2.2, 2.3	1	Kí hiệu tượng hình		2	Kí hiệu hình học		3	Màu sắc, nét chữ	
STT	Các loại kí hiệu	Liệt kê các loại kí hiệu có trên h2.2, 2.3													
1	Kí hiệu tượng hình														
2	Kí hiệu hình học														
3	Màu sắc, nét chữ														

II. NỘI DUNG TRỌNG TÂM (ghi bài và học thuộc)

TIẾT 4 BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

I. Kí hiệu bản đồ và chú giải

- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hoặc toàn bộ Trái Đất lên một mặt phẳng.
- Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ. Màu sắc, chữ viết... mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ
- Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của kí hiệu được giải thích rõ ràng trong bảng chú giải

III. BÀI TẬP CÙNG CỐI

Trong các yếu tố địa lí sau được thể hiện trên bản đồ, yếu tố nào sử dụng kí hiệu điểm, yếu tố nào sử dụng kí hiệu đường?

- Đường biên giới, ranh giới, sông ngòi, đường ô tô...
- Mỏ than đá, dầu mỏ, sắt, đồng...

Trả lời: Kí hiệu đường:

Kí hiệu điểm:

DẶN DÒ

Học bài và chuẩn bị nội dung tiếp theo của bài 1

Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập như sau:

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Địa lí	Nội dung 1:	1. 2.

Học sinh nếu có thắc mắc vui lòng liên hệ trực tiếp cô Trinh qua sdt: 0908140950

MÔN GD CD

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

MÔN GD CD KHỐI 6

Từ ngày 27/9 – 03/10/ 2021

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

I. PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp 6	BÀI 2: YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI (tiết 1)
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	❖ <u>TÀI LIỆU:</u> Học sinh có thể tìm đọc sách giáo khoa GD CD 6 theo đường link sau: - Link: hanhtrangso.nxbgd.vn - Hoặc đường link giáo viên chủ nhiệm đã cung cấp ❖ <u>CÁC YÊU CẦU THỰC HIỆN:</u> I. Khởi động: HS xem SGK/trang 8 Câu hỏi: <i>Em hãy quan sát hai hình ảnh dưới đây và cho biết em liên tưởng đến câu ca dao, tục ngữ nào về yêu thương con người.</i> (HS quan sát suy nghĩ và trả lời) II. Khám phá Học sinh mở SGK/trang 8,9 (Học sinh Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi) <u>Câu chuyện “NGƯỜI BAN MỚI CỦA LỚP”</u> Trà là một học sinh mới chuyển đến lớp 6A1. Trà bé nhỏ, có tật ở chân, nhà lại ở xa trường nên đi học rất khó khăn. Một buổi sáng, mưa như trút, Trà đến lớp trễ hơn 15 phút với bộ quần áo ướt sũng, tay chân run cầm cập. Ngay lập tức, cô giáo cùng các bạn đưa Trà xuống phòng y tế, sau đó, mượn quần áo để bạn thay cho đỡ lạnh. Cả lớp ai cũng thấy thương Trà. Cô giáo chủ nhiệm cùng với lớp trưởng sau khi thảo luận đã đưa ra ý kiến: Hằng ngày, những bạn đi học bằng xe đạp sẽ thay nhau đến đón Trà. Cả lớp đều đồng tình hưởng ứng rất nhanh. Cuối năm học, Trà xúc động nói: “Chính tình yêu thương của cô giáo và các bạn đã giúp mình có nghị lực vượt qua hoàn cảnh khó khăn. Cảm ơn tình yêu thương của cô và các bạn thật nhiều.”

Câu hỏi:

1. Cô giáo cùng các bạn có những tình cảm và việc làm như thế nào dành cho Trà?
2. Những tình cảm và việc làm đó đã đem lại cho Trà điều gì?

(Dựa vào các thông trên, Các em hãy suy nghĩ và trả lời câu hỏi Học sinh tìm và gạch dưới phần trả lời trong SGK)

Câu hỏi:

1. Qua tìm hiểu câu chuyện trên em hiểu thế nào là yêu thương con người?

(Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi)

- Chốt ý: Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

HS xem SGK/trang 9

Em hãy quan sát những hình ảnh và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi:

1. Hình ảnh nào ở trên thể hiện tình yêu thương con người và trái với tình yêu thương con người?
2. Em có suy nghĩ gì về những việc làm được đề cập trong các hình ảnh trên?

(Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi)

Câu hỏi:

Em hãy tìm những biểu hiện yêu thương con người và không yêu thương con người điền vào bảng dưới đây:

	Biểu hiện tình yêu thương con người	Biểu hiện không có tình yêu thương con người
Việc làm		
Lời nói		
Thái độ		

(Học sinh kẻ bảng vào vở và điền câu trả lời vào các ô tương ứng)

Câu hỏi:

Em hãy con biết những biểu hiện yêu thương con người và trái với yêu thương con người?

(Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi)

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

- Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học.
- Hoàn thành các câu hỏi
- Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học.

II. NỘI DUNG BÀI GHI (Học sinh ghi phần này vào vở học)

BÀI 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH, DÒNG HỌ (tiết 3)

I. Khởi động:

Quan sát hình ảnh SGK/trag 8

II. Khám Phá:

❖ **Nội dung bài học:**

1. Yêu thương con người :

- Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

2. Biểu hiện của tình yêu thương con người:

- Biểu hiện của yêu thương con người: quan tâm, chia sẻ, cảm thông, hỗ trợ, giúp đỡ, tha thứ, hi sinh vì người khác,...

3. Biểu hiện trái với tình yêu thương con người:

- Biểu hiện trái với yêu thương con người: nhỏ nhen, ích kỉ, thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, ngược đãi người khác,...

III. Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. (nếu có)

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
GDCD	Mục 1: Thế nào là yêu thương con người ?	1. 2.

IV. Dẫn dò:

HS chép bài vào vở và xem trước phần khám phá trong SGK/9.

Mọi thắc mắc liên hệ cô Nga qua địa chỉ gmail: ngocngadang2011@gmail.com.

MÔN CÔNG NGHỆ

Bài 2:

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH (tiết 2)

2.2 Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình

- Chỉ sử dụng điện khi cần thiết; tắt các đồ dùng điện khi không sử dụng
- Điều chỉnh hoạt động của đồ dùng ở mức vừa đủ dùng.
- Thay thế các đồ dùng điện thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện
- Tận dụng gió, ánh sáng tự nhiên và năng lượng mặt trời để giảm bớt việc sử dụng các đồ dùng điện.

2.3 Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong chất đốt

- Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với diện tích đáy nồi và phù hợp với món ăn.
- Tắt thiết bị ngay khi sử dụng xong.
- Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng.

* Bài tập

1/ Em hãy nêu các biện pháp tiết kiệm điện khi sử dụng tivi, tủ lạnh?

2/ Gia đình em đã sử dụng tiết kiệm năng lượng chất đốt như thế nào?

MÔN TIN HỌC

. Tuần 4

BÀI 4. BIỂU DIỄN VĂN BẢN, HÌNH ẢNH, ÂM THANH TRONG MÁY TÍNH

1. Khái niệm bit

- Bit là đơn vị nhỏ nhất để biểu diễn và lưu trữ thông tin. Bit chỉ có thể nhận một trong hai trạng thái, kí hiệu là “0” và “1”.

2. Biểu diễn chữ cái và văn bản trong máy tính.

- Kí tự là tên gọi chung cho chữ cái, chữ số, dấu cách, dấu chính tả, kí hiệu khác...
- Mỗi chữ cái được biểu diễn bằng một dãy bit xác định, mỗi văn bản được biểu diễn bằng một dãy bit.

Ví dụ: CAFE → 01000011 01000001 01000110 01000101

3. Số hóa văn bản, hình ảnh, âm thanh

- Số hóa văn bản là việc chuyển văn bản thành dãy bit
- Số hóa hình ảnh là việc chuyển hình ảnh thành dãy bit. Kết quả số hóa một hình ảnh là “hình ảnh số”.
- Số hóa âm thanh là việc chuyển đoạn âm thanh thành dãy bit. Kết quả số hóa của một đoạn âm thanh là “âm thanh số”.
- Số hóa dữ liệu là chuyển dữ liệu thành dãy bit, tức là dãy các kí hiệu “0” hoặc “1” liên tiếp, để máy tính có thể xử lí.

Luyện tập

Trong các câu sau đây, câu nào đúng?

- 1. Trong máy tính, mỗi kí tự là một dãy bit, hai kí tự khác nhau thì hai dãy bit biểu diễn chúng khác nhau.
- 2. Một bit là một dãy gồm nhiều số 0 và số 1 ghép lại để biểu diễn chữ cái.
- 3. Số hóa dữ liệu là chuyển dữ liệu thành các số.
- 4. Ảnh số là kết quả số hóa dữ liệu ảnh.
- 5. Văn bản số là trang in gồm toàn các số.
- 6. Âm thanh số là kết quả số hóa dữ liệu âm thanh.

.....
.....
.....

Vận dụng trang 16 Tin học lớp 6 - Cánh diều: Một điệp viên hẹn gặp một người cung cấp tin tại địa điểm bí mật. Để phòng ngừa mọi rủi ro, họ quy ước: Trước giờ gặp, người cung cấp tin nhìn lên cửa sổ căn phòng X; nếu ở cửa sổ có lọ hoa thì cuộc gặp diễn ra bình thường, còn không thì cuộc gặp bị hủy. Có thể coi đây là cách truyền tin dùng một bit hay không? Vì sao?

.....
.....
.....

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ: Qua số Phone hoặc Zalo

1. Thầy Sang	0908243072
2. Thầy Nhân	0904464917
3. Cô Lan	0934896508
4. Cô Ngân	0916429984
5. Cô Ngọc	0349116293

CHÚC CÁC EM HỌC TỐT!

MÔN ÂM NHẠC

CHỦ ĐỀ 1: VUI BƯỚC ĐẾN TRƯỜNG

TIẾT 4

ÔN TẬP

1. Ôn bài hát : Mùa Khai Trường

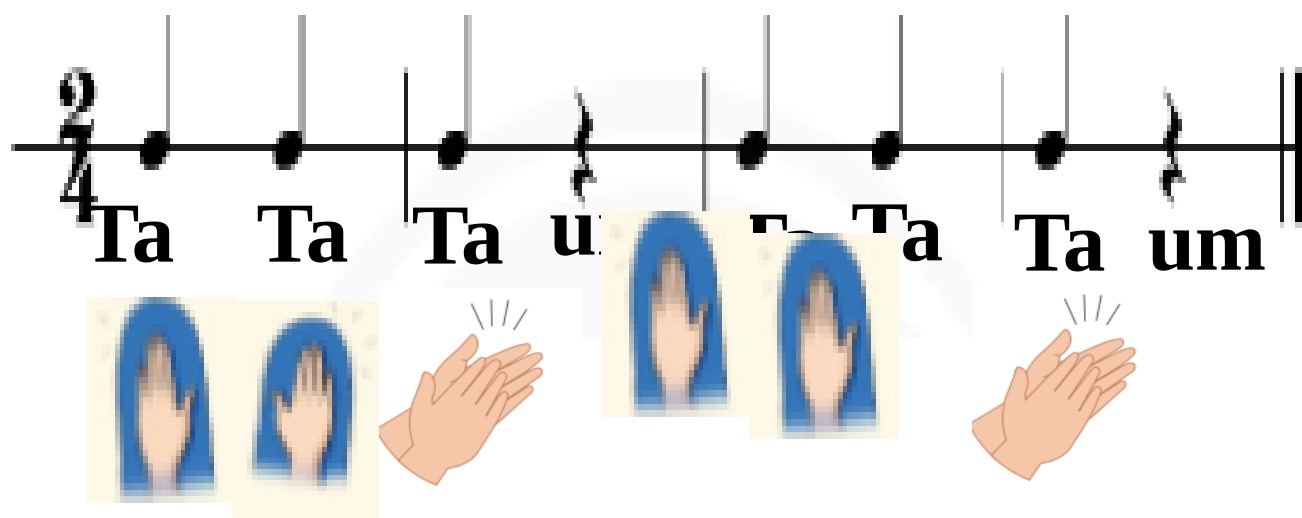
MÙA KHAI TRƯỜNG

Vui tươi, hồn nhiên *Nhạc và lời: Phan Việt Phương*

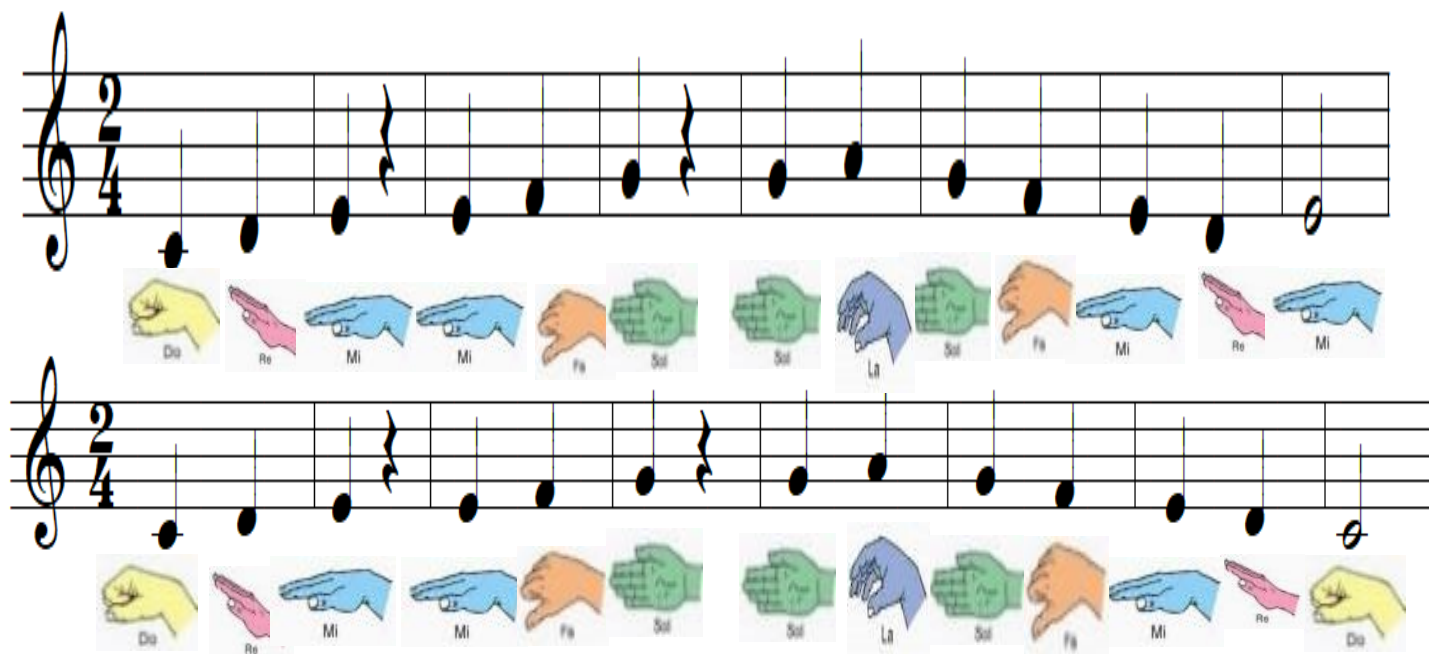


Mùa thu sang là mùa khai trường, từng bước chân rộn ràng trên phố. Kìa riu rít từng bầy chim nhỏ, với khăn quàng đỏ thắm trên vai. Vui tới lớp, em vui tới trường. Chào những trưa mùa hè ấm áp. Mùa thu sang theo bông cúc vàng, màu hoa mang màu ông mặt trời. Tùng tùng tùng tiếng trống reo vui, từng gương mặt nhìn nhau háo hức. Lung linh mắt, xôn xao nụ cười, mau tới trường mừng năm học mới. Tùng tùng tùng tiếng trống hân hoan, khuyên em học tập chăm ngoan nhé. Tùng tùng tùng tiếng trống ca vang: Mùa thu sang là mùa khai trường

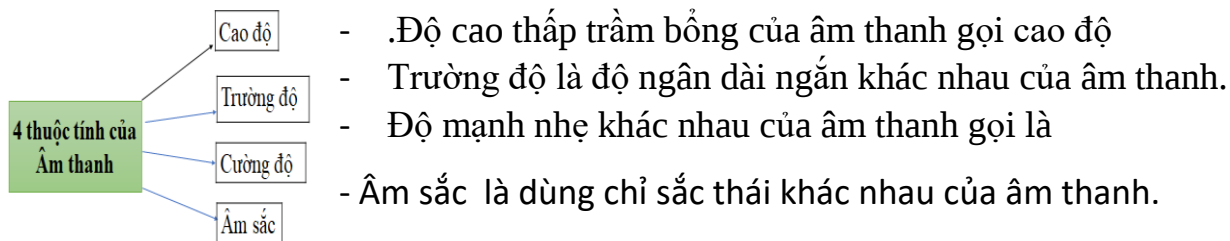
2. Ôn tập mẫu tiết tấu



Cá nhân cùng nhau ghi nhớ và trình bày lại các kí hiệu bàn tay trong bài đọc nhạc số 1.



3 Lí thuyết Âm nhạc:



ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC NHẠC SĨ LƯU HỮU PHƯỚC:

Lưu Hữu Phước là một trong những nhạc sĩ thuộc thế hệ đầu tiên của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông nổi tiếng với những bài hát tràn đầy khí thế cách mạng. Ca khúc của ông không chỉ có giá trị nghệ thuật cao mà còn gắn với nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước.

Lưu Hữu Phước quê ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Tác phẩm tiêu biểu: *Bạch Đằng giang, Lên đàng, Tiếng gọi thanh niên, Giải phóng miền Nam, Tiến về Sài Gòn,...*

Ông sáng tác những bài chính ca xuất sắc như: Hồn tử sĩ, Ca ngợi Hồ Chủ tịch,... Các bài hát cho lứa tuổi thiếu nhi của ông như: Múa vui, Reo vang bình minh, Thiếu nhi thế giới liên hoan,... được phổ biến rộng rãi và được nhiều thế hệ thiếu nhi yêu thích.

Ngoài thành công trong lĩnh vực sáng tác, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước còn đóng góp cho các hoạt động xã hội, cho sự nghiệp giáo dục âm nhạc cho nước nhà. Ông là một trong những thành viên thành lập Viện nghiên cứu Âm nhạc Việt Nam.

Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước đã được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật năm 1996.

4. Hướng dẫn học tại nhà.

-Học thuộc tất cả những nội dung bài học ở chủ đề 1. Tự luyện tập bài hát và bài đọc nhạc số 1 ứng dụng các hình thức phù hợp để biểu diễn.

-Chuẩn bị tìm hiểu trước nội dung bài hát ở chủ đề 2

MÔN MỸ THUẬT

CHỦ ĐỀ: BIỂU CẢM CỦA MÀU SẮC

BÀI 2: TRANH TĨNH VẬT MÀU (Tiết 2)

HOẠT ĐỘNG 3 : LUYỆN TẬP – SÁNG TẠO

Vẽ tranh tĩnh vật màu.

Gợi ý của GV	HS tìm hiểu	Đồ dùng/ Phương tiện/ sản phẩm của HS
- Khuyến khích và hỗ trợ HS thực hiện vẽ tranh tĩnh vật màu. Gợi ý cách tổ chức: - HS lựa chọn vị trí quan sát để xác định ánh sáng, hình dáng, tỉ lệ, màu sắc các vật mẫu. - Khuyến khích HS thực hiện vẽ tranh theo ý thích. ? Em quan sát được hình dáng, vị trí, tỉ lệ, các vật mẫu như thế nào? ? Các vật mẫu sẽ được sắp xếp như thế nào trong bức tranh của em? Khi vẽ, em sẽ vẽ phác khung hình để xác định bố cục của tranh	- Lựa chọn vị trí quan sát để có bố cục hợp lý cho bài vẽ. - Thực hiện theo ý thích. - Làm khung cho bức tranh. Luôn quan sát, so sánh, đậm nhạt, màu sắc khi vẽ.	HS hoàn thành sản phẩm.  

HOẠT ĐỘNG 4 : PHÂN TÍCH – ĐÁNH GIÁ

Trưng bày các sản phẩm và chia sẻ.

Nêu cảm nhận và phân tích:

- Hòa sắc trong bài vẽ.

- Cách diễn tả trong bài vẽ (bố cục, nét, hình, màu, đậm, nhạt)

HOẠT ĐỘNG 5 : VẬN DỤNG – PHÁT TRIỂN

Ứng dụng với tranh tĩnh vật hoa quả.

- Bức tranh tĩnh vật em vừa vẽ có thể sử dụng để làm gì?

Tranh tĩnh vật màu gọi cho người xem cảm xúc và tình yêu với thiên nhiên, phù hợp để trang trí trong đời sống.

Xem tranh SGK

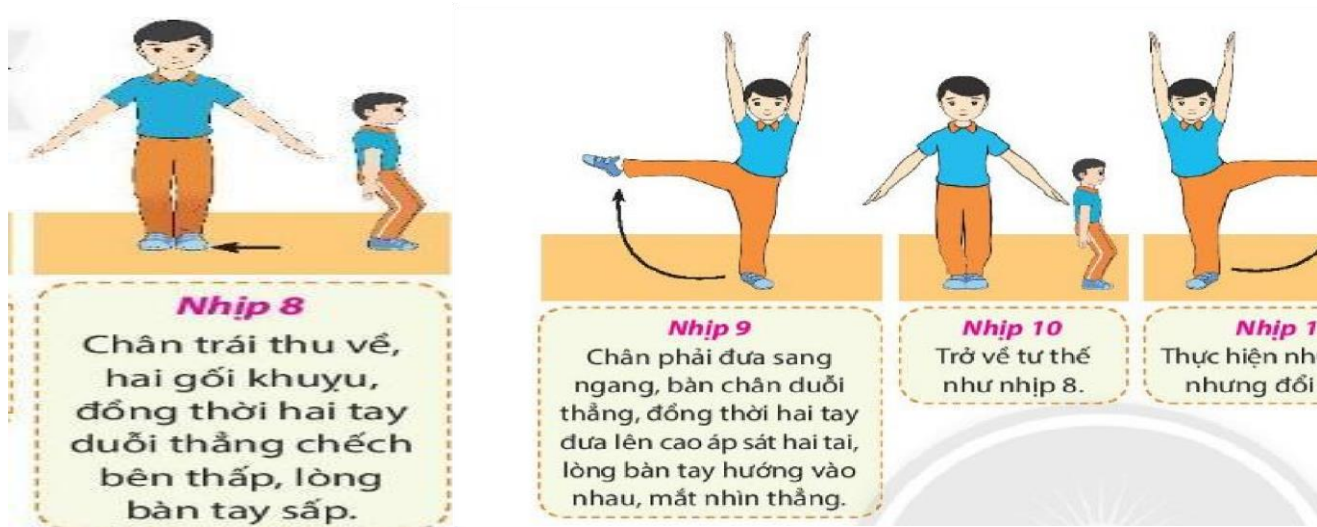
MÔN THỂ DỤC

NỘI DUNG THỂ DỤC 6

TUẦN 4

Trọng tâm: - Ôn bài thể dục

Nhịp 1 đến 7



2.Học 13 đến 20.

